

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ RỒNG VÀNG

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ RỒNG VÀNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GOLDEN DRAGON I.T.T., JSC

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY CP ĐT VÀ TM RỒNG VÀNG

2. Mã số doanh nghiệp: 4101625615

3. Ngày thành lập: 07/03/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

39 Trần Quốc Hoàn, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0905 110 579

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
8.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
9.	Bán buôn thực phẩm	4632
10.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Mua bán vải, tơ sợi quần áo các loại	4641
11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị điện năng lượng mặt trời, điện lạnh điện gió	4659
13.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Mua bán than cốc, than đá, than củi, than củi mùn cưa, than củi trấu, dầu nhớt	4661
14.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Mua bán sắt, thép, quặng kim loại và các sản phẩm từ quặng kim loại, tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hộp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác	4662

15.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
16.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn tơ, xơ, sợi; nguyên vật liệu ngành sợi, dệt; Bán buôn các vật tư trong ngành may mặc thời trang; Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin; Bán buôn các sản phẩm nhựa, các loại hạt nhựa tái sinh, nguyên liệu ngành nhựa, Bán buôn hóa chất (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn các vật liệu máy móc trong ngành luyện kim, ngành hàn, vật liệu hàn (que hàn, dây hàn, thuốc hàn); Mua bán than điện cực, hồ điện cực, nhựa đường	4669
17.	Khai thác và thu gom than cứng Chi tiết: Mua bán than cốc, than đá, dầu nhớt	0510
18.	Khai thác quặng sắt	0710
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
20.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
21.	Cho thuê xe có động cơ	7710
22.	Bán buôn tổng hợp	4690
23.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
24.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
25.	Sản xuất sợi	1311
26.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
27.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
28.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
29.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
30.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
31.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
32.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
33.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) Chi tiết: Sản xuất gia công quần áo, túi xách, balo các loại	1410(Chính)
34.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
35.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
36.	Sản xuất giày, dép	1520
37.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
38.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất than, than từ phế liệu nông, lâm nghiệp, than hoạt tính và các sản phẩm khác từ vỏ bào, phế liệu gỗ, mùn cưa (trừ sản xuất, chế biến dăm gỗ)	1629
39.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220

40.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
41.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
42.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
43.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh lưu trú tại khách sạn	5510
44.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	5610
45.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất kính xây dựng, gia công kính xây dựng, sản xuất nhôm (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất than tổ ong; Chế biến khoáng sản; Chế biến đá Granit, đá ốp lát	3290
46.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
47.	Sản xuất điện	3511
48.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
49.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
50.	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Thu gom rác thải sinh hoạt, y tế, công nghiệp	3811
51.	Thu gom rác thải độc hại	3812
52.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại Chi tiết: Phân loại, xử lý và tận thu rác thải sinh hoạt, y tế, công nghiệp	3821
53.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại Chi tiết: Vận chuyển, phân loại, xử lý và tận thu chất thải nguy hại	3822
54.	Tái chế phế liệu	3830
55.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
56.	Xây dựng nhà để ở	4101
57.	Xây dựng nhà không để ở	4102
58.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
59.	Xây dựng công trình điện	4221
60.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
61.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
62.	Xây dựng công trình thủy	4291
63.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
64.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
65.	Phá dỡ	4311
66.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312

67.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Xây lắp, lắp đặt các công trình điện chiếu sáng, hệ thống điện lạnh, kho đông lạnh	4321
68.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Mua bán các loại sơn nước, sơn dầu nội, ngoại thất, sơn sắt, sơn gỗ, bột trát, sơn tĩnh điện	4752
69.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Mua bán các loại vật tư dành cho ngành chế biến gỗ; Mua bán các loại vật tư dành cho ngành sản xuất đá Granite	4773
70.	(* Lưu ý: Doanh nghiệp phải đáp ứng đủ và duy trì điều kiện đầu tư kinh doanh trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện).	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ THÙY LONG	Số 361 Lạc Long Quân, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	18.000	180.000.000	9,000	046182011695	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	18.000	180.000.000	9,000		

2	TRẦN PHI LONG	Số 361 Lạc Long Quân, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	90,000	042077010532
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	90,000	
3	TRẦN ĐÌNH CHIẾN	Tổ 11B, Khu phố 5, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.000	20.000.000	1,000	042081012619
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	2.000	20.000.000	1,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN PHI LONG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 26/05/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 042077010532

Ngày cấp: 16/08/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 4, Khu phố 6, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 361 Lạc Long Quân, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Định